

## Mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình và các yếu tố liên quan: Một số phát hiện từ nghiên cứu ở Quảng Ngãi

**Đặng Thanh Nhân**

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Hài lòng về cuộc sống gia đình là một yếu tố rất quan trọng đối với cá nhân, gia đình và xã hội. Trên cơ sở nguồn số liệu khảo sát 400 hộ gia đình trong nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Quảng Ngãi về “Quan niệm, mức độ và các yếu tố tác động đến hạnh phúc và hạnh phúc gia đình”, tác giả sử dụng phương pháp phân tích hồi qui logistic để xem xét một số yếu tố tác động đến mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của người dân. Kết quả phân tích hồi qui logistic cho thấy, mức độ hài lòng của người trả lời về cuộc sống gia đình tỷ lệ thuận với trình độ học vấn, mức sống, tính ổn định của nghề nghiệp và thu nhập, tình trạng sức khỏe, mức độ thỏa mãn nhu cầu tình dục giữa vợ và chồng. Việc xuất hiện hành vi bạo lực giữa vợ và chồng đã làm giảm đáng kể sự hài lòng về cuộc sống gia đình của người dân ở địa bàn nghiên cứu.

**Từ khóa:** Hôn nhân - Gia đình; Hài lòng về cuộc sống gia đình; Hạnh phúc gia đình.

### 1. Đặt vấn đề

Gia đình là nền tảng quan trọng trong đời sống mỗi con người. Tất cả mọi người không phân biệt dân tộc, màu da, lứa tuổi... đều mong muốn có được

một cuộc sống và một gia đình hạnh phúc. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập đã tạo ra không chỉ cơ hội mà cả những thách thức đối với cuộc sống nói chung và cuộc sống gia đình nói riêng. Gia đình Việt Nam trong những năm gần đây đã xuất hiện không ít những hiện tượng tiêu cực như bạo lực gia đình, bất bình đẳng giới, ly thân, ly hôn... Để nhận diện được những mặt mạnh và hạn chế những mặt tiêu cực, góp phần xây dựng gia đình Việt Nam ngày càng phát triển bền vững trước những biến đổi nhanh chóng của xã hội cần có những nghiên cứu, đánh giá về mức độ hài lòng của người dân và tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của họ về cuộc sống gia đình hiện nay. Bởi việc đánh giá sự hài lòng của cá nhân về cuộc sống gia đình thực chất là sự đánh giá tổng thể về hạnh phúc gia đình.

Quan niệm về sự hài lòng về cuộc sống gia đình hay hạnh phúc gia đình ở mỗi một cá nhân, mỗi một thời đại, mỗi nền văn hóa là khác nhau nhưng về hình thức thì tương đối giống nhau, nó đều là sự thỏa mãn, là sự hài lòng của con người về các khía cạnh trong đời sống gia đình. Ví dụ ở Mỹ và các nước phát triển khác ở Phương Tây, nhiều nhà học giả đã xem xét mối quan hệ giữa các yếu tố đặc trưng khác nhau về thống kê dân số học, xã hội học, tâm lý học, cách cư xử của người dân và cách đánh giá của họ về hạnh phúc (Hồ Sỹ Quý, 2006; Doh Chull Shin, 2009:3-4). Ở Việt Nam, nghiên cứu về mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình hay về hạnh phúc gia đình một cách qui mô hầu như còn vắng bóng... Quan điểm về mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình hay về gia đình hạnh phúc thường được các nghiên cứu đề cập đến trong mối tương quan với các yếu tố như: điều kiện kinh tế của gia đình; vấn đề tâm lý, tình cảm, sự hòa thuận giữa vợ chồng; địa vị xã hội của vợ chồng; con cái; sức khỏe của các thành viên và gia đình, mối quan hệ với cộng đồng... (Nguyễn Phương Thảo, 1996; Hà Thị Minh Khương, 2007; Đỗ Thiên Kính 2009; Lê Thi, 2010; Lê Ngọc Văn, 2012; Hoàng Bá Thịnh, 2012).

Đề tài “Quan niệm, mức độ và các yếu tố tác động đến hạnh phúc và hạnh phúc gia đình - Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Ngãi” được tiến hành vào tháng 3 năm 2014 với mẫu nghiên cứu định lượng gồm 400 hộ gia đình phường Quảng Phú (thuộc thành phố Quảng Ngãi) và xã Hành Dũng (thuộc huyện Nghĩa Hành). Mẫu nghiên cứu định tính gồm 20 phỏng vấn sâu và 5 thảo luận nhóm, trong đó có đại diện cán bộ phụ nữ cấp tỉnh, thành phố/huyện, phường/xã, đại diện chính quyền, đoàn thể và đại diện các hộ gia đình. Bài viết này tập trung đề cập đến một số yếu tố tác động đến mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của người dân tại địa bàn nghiên cứu.

Các nghiên cứu liên quan đến chủ đề này chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích tương quan hai biến nghiên cứu. Và để xác định các yếu tố tác

động đến mức độ hài lòng của người dân, bài viết này sử dụng mô hình hồi qui đa biến logistic, bởi hạn chế của phân tích hai biến là không tính đến ảnh hưởng của biến trung gian, hay nói một cách khác là không loại trừ được những mối liên hệ giả của biến độc lập và biến phụ thuộc.

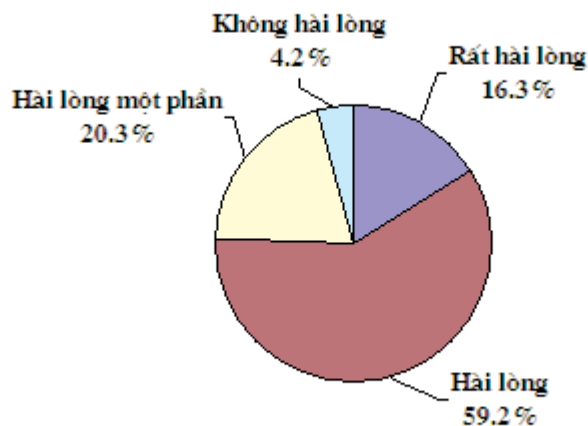
**2. Mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình**

Trong nghiên cứu này, mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình được rút ra từ đánh giá chung của người trả lời (NTL) về sự hài lòng của họ ở các khía cạnh khác nhau của cuộc sống như: đời sống hôn nhân, điều kiện kinh tế, nghề nghiệp, sức khỏe... Phương án trả lời được thiết kế dưới dạng thang đo năm bậc gồm: (1) Rất hài lòng; (2) Hài lòng; (3) Hài lòng một phần; (4) Không hài lòng; (5) Rất không hài lòng<sup>(1)</sup>.

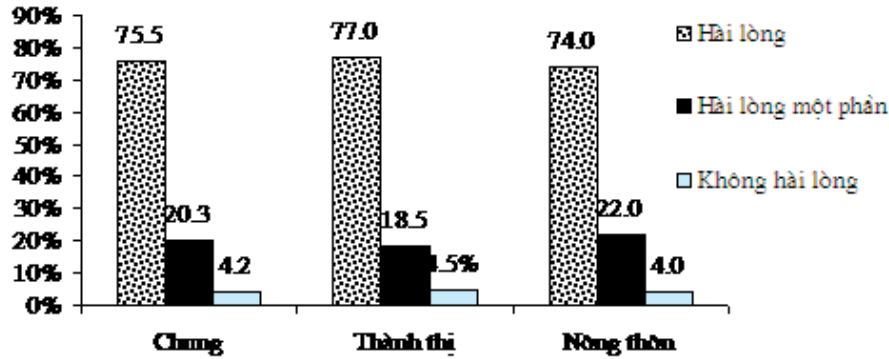
Số liệu Biểu đồ 1 cho thấy, phần lớn người dân Quảng Ngãi hài lòng về cuộc sống gia đình (59,2%); số NTL hài lòng một phần là 20,3%; rất hài lòng là 16,3% và số người không hài lòng chiếm tỷ lệ thấp nhất là 4,2%. Tuy nhiên, để mức độ câu trả lời tập trung, tránh một số phương án có tỷ lệ phần trăm NTL quá ít gây phân tán, tản mạn khi phân tích, tác giả bài viết đã nhóm gộp các mức độ hài lòng thành ba mức: (1) Hài lòng; (2) Hài lòng một phần; (3) Không hài lòng.

Mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình ở hai địa bàn nghiên cứu không khác biệt đáng kể (xem Biểu đồ 2).

**Biểu đồ 1. Mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình**



Biểu đồ 2. Mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình theo địa bàn nghiên cứu



### 3. Kết quả phân tích hai biến giữa sự hài lòng về cuộc sống gia đình và một số yếu tố liên quan

Xét theo giới tính NTL cho thấy, nam giới cảm thấy hài lòng với cuộc sống gia đình cao hơn phụ nữ (Bảng 1). Nhóm người trẻ tuổi nhất (dưới 35 tuổi) trong ba nhóm được khảo sát có tỷ lệ hài lòng với cuộc sống gia đình cao nhất (80,8%). Tiếp theo là nhóm tuổi từ 51 đến 64 (80,3%). Nhóm người trong độ tuổi 36 đến 50 tuổi có tỷ lệ hài lòng với cuộc sống gia đình thấp nhất (70,5%).

Có một mối quan hệ chặt chẽ và tỷ lệ thuận giữa trình độ học vấn, sức khỏe và mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình. Trình độ học vấn càng cao, sức khỏe càng tốt thì tỷ lệ người hài lòng với cuộc sống gia đình càng tăng. Cụ thể, kết quả ở Bảng 1 cho thấy, tỷ lệ NTL hài lòng với cuộc sống gia đình trong số những người có học vấn tiểu học trở xuống là thấp nhất và những người có trình độ học vấn cao hơn thì có mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình nhiều hơn. Những người có trình độ học vấn trung cấp trở lên có mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình cao nhất.

Nghề nghiệp của NTL cũng có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của họ. Nhóm người trả lời là cán bộ, công chức hài lòng về cuộc sống gia đình với tỷ lệ hơn 90%; kinh doanh, dịch vụ và làm nghề tự do là nhóm có tỷ lệ hài lòng với cuộc sống gia đình ở mức thấp nhất.

Cũng như trình độ học vấn, thu nhập và điều kiện vật chất của gia đình càng cao thì tỷ lệ NTL cho biết họ hài lòng với cuộc sống gia đình càng

**Bảng 1. Các yếu tố tác động đến mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của NTL (%)**

Các yếu tố tác động		Mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình			
		Hài lòng	Hài lòng một phần	Không hài lòng	N
<b>Chung</b>		<b>75,5</b>	<b>20,3</b>	<b>4,2</b>	<b>400</b>
Giới tính NTL **	Nam	79,5	19,0	1,5	195
	Nữ	71,7	21,5	6,8	205
Tuổi NTL **	21-35 tuổi	80,8	13,7	5,5	73
	36-50 tuổi	70,5	26,5	3,0	200
	51-64 tuổi	80,3	14,2	5,5	127
Học vấn của NTL ***	Tiểu học trở xuống	58,5	26,8	14,6	41
	THCS	68,1	27,5	4,4	160
	THPT	79,7	17,8	2,5	118
	CD - ĐH	92,6	6,2	1,2	81
Nghề của NTL ***	Công nhân	72,7	27,3	0	22
	Cán bộ, viên chức	90,4	8,5	1,1	94
	Kinh doanh, dịch vụ, làm thuê tự do	64,5	27,6	7,9	76
	Nông dân	72,3	22,6	5,1	195
Sức khỏe của NTL ***	Tốt	87,0	11,2	1,9	215
	Tạm được	68,2	27,3	4,5	132
	Không tốt	47,2	39,6	13,2	53

Mức ý nghĩa thống kê: \*p<0,1 \*\*p<0,05 \*\*\*p<0,001

nhiều. Số liệu Bảng 2 cho thấy, nhóm người có điều kiện kinh tế, mức sống cao nhất là nhóm có mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình nhiều hơn cả. Nhóm người có điều kiện kinh tế, mức sống kém nhất là nhóm cảm thấy ít hài lòng về cuộc sống gia đình nhất. Cụ thể khi xem xét mức độ trang trải tiêu dùng từ nguồn thu nhập của hộ gia đình cho thấy, tỷ lệ người hài lòng với cuộc sống gia đình trong số những gia đình có mức thu nhập dư thừa sau khi đã trang trải các nhu cầu ăn, uống cơ bản của các thành viên trong gia đình cao hơn gấp đôi so với tỷ lệ những gia đình mà nguồn thu nhập không đủ chi tiêu các nhu cầu cơ bản này. Như vậy có thể thấy, điều kiện vật chất có vai trò khá quan trọng trong việc người dân có cảm thấy hài lòng với cuộc sống gia đình của họ hay không. Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu hưởng thụ cuộc sống của người dân vì thế cũng nâng cao và yếu tố kinh tế, vật chất là một trong những phương tiện giúp người dân đạt tới cảm giác hài

Bảng 2. Mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình và các yếu tố liên quan kinh tế, mức sống (%)

Các yếu tố tác động		Mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình			
		Hài lòng	Hài lòng một phần	Không hài lòng	N
<b>Chung</b>		<b>75,5</b>	<b>20,3</b>	<b>4,2</b>	<b>400</b>
Yên tâm về tính ổn định của nghề nghiệp và thu nhập ***	Có	88,2	11,0	0,8	246
	Không	48,5	31,8	19,7	66
	Không biết/ không chắc chắn	58,8	38,8	2,5	80
Mức độ trang trải tiêu dùng từ nguồn thu nhập của gia đình ***	Dư thừa	96,9	3,1	0,0	5
	Đủ chi nhu cầu ăn, uống cơ bản	77,9	19,5	2,6	272
	Thiếu, không đủ chi	42,9	41,3	15,9	63
Mức sống hộ gia đình ***	Nghèo	65,6	21,9	12,5	32
	Trung bình	68,9	26,2	4,9	206
	Khá	85,8	12,3	1,9	162
So sánh thu nhập giữa vợ và chồng	Chồng cao hơn	79,1	16,7	4,2	239
	Vợ cao hơn	68,8	26,2	5,0	80
	Ngang nhau	71,6	24,7	3,7	81

Mức ý nghĩa thống kê: \* $p < 0,1$  \*\* $p < 0,05$  \*\*\* $p < 0,001$

lòng/hạnh phúc với cuộc sống gia đình. Quan niệm về hạnh phúc gia đình đã thay đổi. Khi được hỏi quan điểm về câu “Một túp lều tranh hai trái tim vàng” một người dân cho biết: “*Theo em một túp lều tranh hai trái tim vàng thì bữa nay nó lạc hậu rồi. Phải làm ra tiền để trang trải cuộc sống thì nó mới có hạnh phúc được. Cái hạnh phúc với một túp lều tranh hai trái tim vàng là chỉ để dẫn chứng thôi, em không đồng ý với quan điểm đó. Sống bằng không khí thì em không chấp nhận được*” (PVS nam, 36 tuổi, thành phố Quảng Ngãi).

Xem xét mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình trong tương quan với sự so sánh thu nhập giữa vợ và chồng cho thấy, tỷ lệ hài lòng về cuộc sống gia đình ở nhóm hộ gia đình “chồng có thu nhập cao hơn vợ” nhiều hơn so với nhóm “vợ có thu nhập cao hơn chồng” (tỷ lệ tương ứng là 79,1% và 68,8%).

Trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ và chồng, sự hòa hợp tình dục là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên hạnh phúc vững bền. Trong nghiên cứu này, có hơn 60% NTL đánh giá rằng, hòa hợp tình dục giữa vợ và chồng là “rất quan trọng”; 22,2% cho rằng “quan trọng một phần” và chỉ có 0,5 % cho rằng “không quan trọng”. Có đến 81,7% NTL cho biết, họ hài lòng với cuộc sống gia đình trong số những người cảm thấy thỏa mãn hoàn

toàn về đời sống tình dục với vợ/chồng, chỉ có 0,7% trong số này trả lời họ không hài lòng với cuộc sống gia đình. Tỷ lệ NTL hài lòng với cuộc sống gia đình trong nhóm “không hoàn toàn thỏa mãn” với đời sống tình dục vợ - chồng thấp hơn so với nhóm “hoàn toàn thỏa mãn” gần 20%. Qua đây có thể thấy, trong đời sống vợ chồng, mức độ hòa hợp, mức độ thỏa mãn nhu cầu tình dục có mối liên hệ mật thiết với mức độ cảm nhận về hạnh phúc/mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình. Cho đến nay, quan niệm xã hội đã cởi mở hơn khi bàn về tình dục, tuy vậy vẫn còn không ít người coi đó là một vấn đề tế nhị và không dễ dàng chia sẻ những khúc mắc về nó ngay cả với người bạn đời của mình, và cũng có không ít các cặp vợ chồng chỉ vì không thỏa mãn nhu cầu tình dục của nhau mà dẫn đến ly hôn - “đường ai nấy đi” nhưng lý do chính đáng này lại thường được né tránh dưới một nguyên nhân chung chung khác là “không hợp nhau”.

Trong số các yếu tố liên quan đến đời sống hôn nhân, số năm chung sống của hai vợ chồng có ảnh hưởng không đáng kể đến mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của người trả lời, tuy nhiên yếu tố có hay không có hành vi có tính chất bạo lực xảy ra trong 12 tháng trước thời điểm nghiên cứu lại có tác động khá mạnh (số liệu Bảng 3). Điều đó cho thấy, hành vi bạo lực giữa vợ và chồng là một yếu tố tác động tiêu cực đến mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của người trả lời. Hành vi bạo lực gia tăng thì mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình giảm và ngược lại.

**Bảng 3. Mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình nói chung và các yếu tố liên quan đến đời sống hôn nhân (%)**

Các yếu tố tác động		Hài lòng	Hài lòng một phần	Không hài lòng	N
<b>Chung</b>		<b>75,5</b>	<b>20,3</b>	<b>4,2</b>	<b>400</b>
Mức độ thỏa mãn nhu cầu tình dục ***	Hoàn toàn thỏa mãn	81,6	17,7	0,7	277
	Không hoàn toàn thỏa mãn	61,8	26,0	12,2	123
Số năm chung sống sau khi kết hôn	15 năm trở xuống	78,6	18,3	3,1	131
	16-30 năm	69,5	25,9	4,6	174
	Trên 30 năm	82,1	12,6	5,3	95
Hành vi bạo lực giữa vợ và chồng trong 12 tháng qua ***	Không	81,0	17,4	1,5	327
	Có	50,7	32,9	16,4	73

Mức ý nghĩa thống kê: \*p<0,1 \*\*p<0,05 \*\*\*p<0,001

#### 4. Kết quả phân tích đa biến về một số yếu tố tác động đến sự hài lòng về cuộc sống gia đình

Bảng 4 trình bày kết quả phân tích mô hình hồi quy logistic xác định tác động hay mối liên hệ giữa các yếu tố từ đặc điểm cá nhân, kinh tế, thu nhập và các yếu tố liên quan đến đời sống hôn nhân với mức độ hài lòng của NTL về cuộc sống gia đình sau khi đã kiểm soát ảnh hưởng của các biến số khác có trong mô hình hồi quy. Kiểm soát ảnh hưởng ở đây được hiểu là mối liên hệ giữa từng biến số với mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của người dân trong điều kiện các biến số khác là như nhau: ví dụ, tác động của sức khỏe đến mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình trong điều kiện cùng thuộc một nhóm tuổi, học vấn, cùng là giới tính nam hay nữ, cùng mức thu nhập, cùng nhóm nghề nghiệp... Các mô hình được xây dựng bao gồm: (1) Mô hình 1: các yếu tố liên quan đến đặc trưng cá nhân của người trả lời; (2) Mô hình 2: bổ sung thêm yếu tố liên quan đến kinh tế, thu nhập; (3) Mô hình 3: đưa thêm các yếu tố liên quan đến đời sống hôn nhân như: mức độ thỏa mãn nhu cầu tình dục; số năm chung sống sau kết hôn; các hành vi bạo lực giữa vợ và chồng trong 12 tháng trước thời điểm nghiên cứu. Biến phụ thuộc được sử dụng trong mô hình hồi qui logistic được xây dựng thành một biến nhị phân từ câu hỏi: “Nhìn chung, anh/chị hài lòng như thế nào về cuộc sống gia đình của mình?” Biến phụ thuộc nhận giá trị (1) - Nếu NTL “rất hài lòng” và “hài lòng” về cuộc sống gia đình; (0) - Nếu NTL “không/không hài lòng lắm” về cuộc sống gia đình.

Kết quả phân tích từ cả ba mô hình cho thấy, giới tính của NTL không có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê với mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của họ.

Kết quả mô hình 1 cho thấy, mức độ hài lòng của NTL bị tác động bởi học vấn và sức khỏe của họ. Cụ thể, mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình của nhóm NTL có học vấn tiểu học trở xuống chỉ bằng 0,2 lần so với nhóm có học vấn trung cấp trở lên. Những người có sức khỏe tốt có mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình nhiều hơn 7,4 lần so với những người có sức khỏe không tốt. Các biến số trong mô hình 1 giúp giải thích được 23,8% sự biến thiên của biến phụ thuộc.

Mô hình 2 bổ sung thêm một số các yếu tố liên quan đến kinh tế, thu nhập của NTL và hộ gia đình. Trong số các yếu tố này, tác động của yếu tố tính ổn định của nghề nghiệp và thu nhập của NTL chiếm ưu thế hơn cả. Kết quả phân tích mô hình này cho thấy, mức độ hài lòng của người dân với cuộc sống gia đình tăng khi mức sống và tính ổn định của công việc và thu nhập tăng. Thêm nữa, trong gia đình mà người chồng có thu nhập cao hơn vợ thì mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình cao hơn 1,5 lần so với những gia đình hai vợ chồng ngang bằng nhau về thu nhập và 1,6 lần so với những gia đình vợ thu nhập cao hơn chồng.



Bảng 4. Mô hình hồi qui logistic về một số yếu tố tác động đến sự hài lòng của NTL về cuộc sống gia đình

Biến số độc lập		Tỷ số chênh lệch			Số lượng
		Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình cuối	
Giới tính NTL	Nam	1,2	0,9	0,9	189
	Nữ (Nhóm đối chứng)	1	1	1	193
Tuổi NTL	21-35 tuổi	0,5	0,4*	0,6	71
	36-50 tuổi	0,5*	0,5*	0,8	196
	51-64 tuổi (Nhóm đối chứng)	1	1	1	115
Học vấn NTL	Tiểu học trở xuống	0,2**	0,2*	0,2**	39
	THCS	0,3**	0,3**	0,3*	155
	THPT	0,4*	0,4*	0,4	111
	Trung cấp trở lên (Nhóm đối chứng)	1	1	1	77
Nghề nghiệp của NTL	Công nhân	0,5	0,3*	0,3*	22
	Cán bộ, viên chức	0,9	0,4*	0,4*	89
	Kinh doanh, dịch vụ, làm thuê tự do	0,6*	0,5*	0,6*	76
	Nông dân (Nhóm đối chứng)	1	1	1	195
Sức khỏe của NTL	Tốt	7,4***	5,7***	5,6***	206
	Tạm được	2,3**	1,8*	1,9*	127
	Không tốt (Nhóm đối chứng)	1	1	1	49
Yên tâm về tính ổn định của nghề nghiệp và thu nhập	Có		4,1***	4,3***	242
	Không (Nhóm đối chứng)		1	1	140
Mức độ trang trải tiêu dùng từ nguồn thu nhập	Dư thừa		6,8**	5,5**	61
	Chỉ đủ nhu cầu ăn, uống cơ bản		1,8*	1,3	259
	Thiếu nhiều, không đủ chi (Nhóm đối chứng)		1	1	62
Mức sống hộ gia đình	Nghèo		0,3**	0,3**	31
	Trung bình		0,4*	0,5*	198
	Khá (Nhóm đối chứng)		1	1	153
So sánh thu nhập giữa hai vợ chồng	Chồng cao hơn		1,5*	1,7*	229
	Vợ cao hơn		0,9	1,3	76
	Ngang nhau (Nhóm đối chứng)		1	1	77
Mức độ thỏa mãn nhu cầu tình dục	Hoàn toàn thỏa mãn			2,3***	268
	Không hoàn toàn thỏa mãn (Nhóm đối chứng)			1	114
Số năm chung sống sau khi kết hôn	15 năm trở xuống			0,4	126
	16-30 năm			0,4*	169
	31-46 năm (Nhóm đối chứng)			1	87
Hành vi bạo lực giữa vợ và chồng trong 12 tháng qua	Không có hành vi nào			2,7***	310
	Có hành vi bạo lực (Nhóm đối chứng)			1	72
Số người trong mẫu		387	382	382	382

Mức ý nghĩa thống kê: \*p<0,1 \*\*p<0,05 \*\*\*p<0,001

Ở mô hình cuối, một số yếu tố liên quan đến đời sống hôn nhân của vợ chồng NTL được lựa chọn đưa vào mô hình để phân tích. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, có mối liên hệ chặt chẽ giữa mức độ thỏa mãn nhu cầu tình dục của NTL với người bạn đời và mức độ hài lòng của NTL đối với cuộc sống gia đình. Tỷ số chênh lệch giữa nhóm NTL “hoàn toàn thỏa mãn” cao hơn hai lần so với nhóm “không hoàn toàn thỏa mãn”. Theo nghiên cứu của David H. Olson and John DeFraim (2000) thì tình dục là một trong 10 yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng hay không hài lòng đối với cuộc sống hôn nhân của các cặp vợ chồng. Tình dục được coi là thước đo về tình cảm mối quan hệ. Các cặp vợ chồng có mối quan hệ tình dục tốt có thể thoải mái bày tỏ tình cảm với nhau và trở nên tôn trọng nhau về nhu cầu và mong muốn của nhau.

Số năm chung sống của cặp vợ chồng sau khi kết hôn có tác động không đáng kể đến mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình của NTL. Số năm chung sống của vợ chồng được xác định dựa trên biến số năm kết hôn với người vợ/chồng hiện tại tính đến thời điểm được phỏng vấn là năm 2014. Số năm mà các cặp vợ chồng chung sống với nhau được chia thành 3 nhóm: nhóm thấp nhất là dưới 15 năm và cao nhất là trên 30 năm. Nhóm chung sống với nhau trên 30 năm được chọn là nhóm đối chứng và nhận giá trị 1, các nhóm còn lại có tỷ số chênh lệch là 0,4. Tỷ số chênh lệch giữa các yếu tố trong biến số “số năm chung sống” có ý nghĩa thống kê, tuy nhiên ý nghĩa thống kê chỉ được thể hiện bởi một dấu “\*”, điều này cho thấy sự tác động của biến số “số năm chung sống” của vợ chồng chưa thực sự rõ rệt đến mức độ hài lòng đối với cuộc sống gia đình. Kết quả này không xác nhận cho nhận xét ở nghiên cứu Austrian Family Report (1999) khi cho rằng: sự hài lòng về hôn nhân thay đổi theo từng giai đoạn của cuộc hôn nhân và thường được mô tả theo biểu đồ hình chữ U. Ban đầu, sự hài lòng, tình yêu và tình cảm dành cho nhau rất nhiều. Vào thời điểm sinh con, tình cảm dành cho nhau và sự cam kết với hôn nhân dần giảm đi. Khi đứa con lớn đến tuổi dậy thì, sự hài lòng với hôn nhân của vợ và chồng rơi xuống điểm thấp nhất. Dần dần, sự hài lòng lại tăng lên một chút và mối quan hệ giữa vợ và chồng đạt mức cao trở lại trong giai đoạn con cái trưởng thành và sống riêng và gia đình lúc đó chỉ còn lại người vợ và người chồng (dẫn theo Lê Ngọc Văn, 2012: 95).

Nghiên cứu này cũng hướng đến việc tìm hiểu tác động của các hành vi bạo lực giữa vợ và chồng đến mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình. Kết quả phân tích trong mô hình cuối cho thấy, so với các gia đình có hành vi bạo lực thì mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của những người được hỏi ở các gia đình không có hành vi bạo lực cao hơn 2,7 lần. Xung đột vợ chồng là biểu hiện của sự bất đồng giữa vợ và chồng. Khi chung sống cùng nhau, sự khác nhau về tính cách giữa hai con người là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu xung đột không được kiểm soát, dẫn tới các hành vi bạo lực

sẽ ảnh hưởng lớn đối với chất lượng sống con người và hạnh phúc gia đình cho dù đó là bạo lực thể xác hay bạo lực tinh thần.

Kết quả ở mô hình cuối cho thấy, khi đưa thêm các biến số như mức độ thỏa mãn nhu cầu tình dục giữa vợ và chồng, số năm chung sống sau khi kết hôn và có hay không có hành vi có tính chất bạo lực giữa vợ và chồng thì mức độ tác động của một số biến số độc lập đến biến số phụ thuộc thay đổi so với mô hình 1 và mô hình 2. Cụ thể, ở mô hình 1 và 2, biến số tuổi của NTL có tác động đến sự hài lòng với cuộc sống gia đình của họ, khi các yếu tố khác được đưa thêm vào vào phân tích thì đến mô hình 3 thì sự tác động của yếu tố tuổi tác đến sự hài lòng với cuộc sống gia đình trở nên yếu. Khi đưa thêm các biến số liên quan đến mức sống, thu nhập và đời sống hôn nhân ở mô hình 2 và 3 thì tác động của biến số sức khỏe đến sự hài lòng với cuộc sống gia đình của NTL giảm đi, cho dù khả năng những người có sức khỏe tốt hài lòng với cuộc sống gia đình vẫn cao hơn đáng kể so với những người có sức khỏe yếu. Những biến số được đưa vào phân tích trong mô hình cuối đã giúp giải thích được 45,3% sự biến thiên của biến phụ thuộc - đây là một chỉ số khá lý tưởng trong phân tích hồi qui logistic. Tuy nhiên, trong thực tế, mức độ hài lòng với cuộc sống gia đình của mỗi cá nhân chịu sự ảnh hưởng của rất nhiều các yếu tố khác nhau trong cuộc sống, và có thể ngoài những yếu tố chúng tôi phân tích trên đây vẫn còn những yếu tố khác mà nghiên cứu này chưa có điều kiện đề cập đến.

## 5. Kết luận

Có một điểm tương đồng của nghiên cứu này so với các nghiên cứu về mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình trước đó là đa số những người được phỏng vấn cho biết họ cảm thấy hài lòng với cuộc sống gia đình và những người cảm thấy không hài lòng chiếm thiểu số. Qua đó cho thấy, người dân ở Quảng Ngãi có cái nhìn khá lạc quan về cuộc sống nói chung và cuộc sống gia đình nói riêng

Kết quả của nghiên cứu này cho thấy, những người ít có sự hài lòng về cuộc sống gia đình nhất nằm trong nhóm dân số có các đặc điểm như: học vấn thấp, thu nhập thấp, nghề nghiệp không ổn định, sức khỏe kém, gia đình có hành vi bạo lực vợ chồng; nhu cầu tình dục không thỏa mãn. Nhóm người có thu nhập cao, ổn định, trình độ học vấn cao, sức khỏe tốt, không có bạo lực gia đình, vợ chồng hòa hợp về đời sống tình dục... đa số là những người cảm thấy hạnh phúc.

Sau khi kiểm soát ảnh hưởng của các biến số được đưa ra trong mô hình hồi qui logistic, nghiên cứu cho thấy các yếu tố như tình trạng sức khỏe, tính ổn định của nghề nghiệp và thu nhập, mức độ thỏa mãn nhu cầu tình dục với vợ/chồng và tình trạng có hay không có bạo lực gia đình có mối quan hệ

chặt chẽ và rõ ràng nhất với mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình của người dân ở Quảng Ngãi. Như vậy, để hướng tới xây dựng gia đình Việt Nam hạnh phúc bền vững cần có các biện pháp, chính sách phù hợp để nâng cao đời sống kinh tế, xã hội, tinh thần cho người dân kết hợp với tuyên truyền về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. ■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Câu hỏi này cũng đã được tác giả Lê Việt Nga sử dụng để phân tích về mức độ hài lòng cuộc sống gia đình của người dân trong bài viết “*Các yếu tố tác động đến hạnh phúc vợ chồng, mức độ hài lòng với hôn nhân và cuộc sống gia đình của người dân (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Ngãi)*” đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 5. Trong bài viết của mình, tác giả Lê Việt Nga đã sử dụng phương pháp phân tích tương quan hai biến và chia mức độ hài lòng của người dân với cuộc sống gia đình theo 3 mức: “Rất hài lòng”; “Hài lòng” và “Không hài lòng” (Lê Việt Nga, 2014).

### Tài liệu trích dẫn

- David H. Olson, and John DeFrain. 2000. *Marriage and the family: diversity and strengths*. California: Mayfield Publishing Company.
- Doh Chull Shin. 2009. “Chất lượng sống của người dân Châu á theo Nho giáo: Quan niệm về hạnh phúc” (Phần 1). *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 6.
- Đỗ Thiên Kính. 2009. “Gia đình hạnh phúc ở nông thôn Việt Nam hiện nay - Qua khảo sát tại 3 xã ở Yên Bái, Thừa Thiên Huế và Tiền Giang”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1.
- Hà Thị Minh Khương. 2007. Sự hài lòng về cuộc sống gia đình sau hôn nhân và quan điểm về một gia đình hạnh phúc. Kỷ yếu Khoa học Kết quả nghiên cứu khảo sát tại Tiền Giang năm 2005. Dự án Nghiên cứu Liên ngành *Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi* (VS\_ RDE - 05).
- Hoàng Bá Thịnh. 2012. “Sự hài lòng về hôn nhân và gia đình”. *Tạp chí Dân số & Phát triển*, số 8.
- Hồ Sỹ Quý. 2006. “Chỉ số hạnh phúc (HPI) của 178 nước năm 2006”. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 5.
- Lê Ngọc Văn. 2012. *Báo cáo đề tài cấp bộ: Mối quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay và căn cứ để củng cố mối quan hệ này trong giai đoạn 2011-2020*.
- Lê Thi. 2010. “Quan niệm của các thế hệ Việt Nam về hạnh phúc gia đình và giải pháp xây dựng”. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 1.
- Lê Việt Nga. 2014. “Các yếu tố tác động đến hạnh phúc vợ chồng, mức độ hài lòng với hôn nhân và cuộc sống gia đình của người dân (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Ngãi)”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 5 (Q24).
- Nguyễn Phương Thảo. 1996. “Trở lại với quan niệm về hôn nhân và gia đình qua một số chỉ báo xã hội học” Trong cuốn *Gia đình Việt Nam ngày nay*, Lê Thi chủ biên. Nxb. Khoa học Xã hội.